

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 và ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: tổ 1, khu phố 2, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Trung N, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: tổ 1, khu phố 2, phường H, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh T và ông Trần Trung N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N theo Bản án số 45/2012/HNGĐ-ST ngày 21/9/2012. Sau khi ly hôn, ông bà nhận thấy vẫn còn tình cảm và vì con nên ông bà đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã (nay phường) H, thị xã (nay thành phố) U,

tỉnh Bình Dương số 18/2018 ngày 28/3/2018 theo trích lục kết hôn số 115/TLKH-BS ngày 28/3/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cho đến nay hơn 07 năm. Trong thời gian sống chung, bà T nhận thấy không hạnh phúc. Do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã vì tính cách không hòa hợp. Vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không được. Vợ chồng đã có khoảng thời gian dài không nói chuyện với nhau. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Lê M, sinh ngày 17/10/2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Nhưng tại phiên tòa bà T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Trung N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án

Cháu Trần Lê M trình bày hiện đang sống chung với mẹ và có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân và Công an phường H, địa phương cung cấp thông tin như sau: Ông Trần Trung N, sinh năm 1984 đang sinh sống và đăng ký thường trú tại tổ 1, khu phố 2, phường H, thị xã (nay thành phố) U, tỉnh Bình Dương. Địa phương không biết nguyên nhân dẫn tới việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà Lê Thị Minh T và ông Trần Trung N vì không nhận được tin báo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Lê Thị Minh T và ông Trần Trung N có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ. Về con chung: bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung phù hợp với nguyện vọng của con; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Trung N nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Trung N có địa chỉ tại phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Trung N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh T và ông Trần Trung N là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay phường) H, thị xã (nay thành phố) U, tỉnh Bình Dương số 18/2018 ngày 28/3/2018 theo trích lục kết hôn số 115/TLKH-BS ngày 28/3/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn với ông N do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung Trần Lê M, sinh ngày 17/10/2007. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và nguyện vọng của cháu cũng muốn sống chung với mẹ. Do đó yêu cầu của bà T là cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Minh T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Trần Trung N như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh T được ly hôn với ông Trần Trung N.
- Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê M, sinh ngày 17/10/2007 cho bà Lê Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng;
- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Minh T không yêu cầu ông Trần Trung N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Minh T và ông Trần Trung N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007456, ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm

